

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 72/2023/HS-PT
Ngày: 25-8-2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hà Nam

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoài Nam

Ông Nguyễn Đức Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Văn Sơn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử trực tuyến phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 60/2023/TLPT-HS ngày 02 tháng 8 năm 2023 do có kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2023/HS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

- Bị cáo có kháng cáo: **Trịnh Văn H**, sinh năm 1989 tại xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trịnh Văn H (đã chết) và bà Bùi Thị L, sinh năm 1963; gia đình có 05 chị em, bị cáo là thứ 3; có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1993; 02 con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2020; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 14/9/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Nam Định; có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Đoàn Xuân L, sinh năm 1986; vắng mặt.

2. Anh Đoàn Xuân N, sinh năm 1978; vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1976; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm 22, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

4. Anh Đinh Văn H1, sinh năm 1983; vắng mặt.

5. Anh Vũ Tiến S - Sinh năm: 1986; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

6. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1983; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Văn H là lao động tự do, nhận thầu xây dựng một số công trình tại các tỉnh Hưng Yên, thành phố Hà Nội. Khoảng tháng 6 năm 2020, H làm thủ tục tách thửa tại UBND xã Yên Cường và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất (viết tắt là GCNQSDĐ) đối với thửa đất H đang sinh sống tại thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Do có quen biết với Trịnh Văn H và thấy H đã làm được GCNQSDĐ nên anh Đoàn Xuân L (sinh năm 1986 trú tại Xóm 22, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định) đã đến hỏi H về thủ tục và đặt vấn đề nhờ H làm GCNQSDĐ cho thửa đất số 197, tờ bản đồ số 36, tại Xóm 22, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định. Mặc dù bản thân không có khả năng làm được thủ tục được cấp GCNQSDĐ, nhưng Trịnh Văn H đã đưa ra mức chi phí là 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng) để nhận làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho anh Đoàn Xuân L, anh L đồng ý. Theo yêu cầu của H, anh L đã đặt cọc trước cho H số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Sau đó, anh L giới thiệu anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1976; anh Đoàn Xuân N, sinh năm 1978 đều trú tại Xóm 22, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định đến gặp H để nhờ H làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho thửa đất số 152, tờ bản đồ số 35 thuộc xóm 34, xã Yên Đồng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định của bà Lê Thị Xa, sinh năm 1956 (mẹ anh H) và thửa đất số 616, tờ bản đồ địa chính số 29 thuộc Xóm 22, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định của vợ chồng anh N. H tự giới thiệu với anh H, anh N là có quen biết với cán bộ làm thủ tục cấp GCNQSDĐ và đồng ý nhận làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho anh H với mức chi phí là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng), anh N chi phí là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). H yêu cầu anh L, anh N, anh H chuẩn bị một khoản tiền đặt cọc đưa cho H để H tiến hành làm thủ tục. Anh Nguyễn Đình H đã đưa cho H số tiền 17.000.000 đồng để đặt cọc. Ngày 26/7/2020 anh Đoàn Xuân N đưa cho anh L số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nhờ anh L chuyển tiền đặt cọc cho H. Anh L gọi điện liên hệ với H để chuyển tiền đặt cọc nhưng H nói không có nhà và bảo anh L đưa tiền cho vợ của H là Nguyễn Thị Huế, (sinh năm 1996 trú tại thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định). Trịnh Văn H đã gọi điện cho Huế bảo Huế cứ nhận tiền và ký

giấy biên nhận cho H, H không nói cho Huế biết là đó tiền gì, Huế đồng ý cũng không hỏi gì thêm. Anh L tìm gặp và đưa cho Huế số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), trong đó có 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) là tiền đặt cọc của anh N. Anh L có viết giấy giao nhận tiền và yêu cầu chị Huế ký nhận, chị Huế ký nhưng không đọc nội dung giấy biên nhận. Sau đó H về nhà lấy toàn bộ số tiền đặt cọc mà Huế đã nhận.

Ngày 25/01/2021, do không có tiền trả tiền công thợ nên H gọi điện cho anh L, anh N, anh H yêu cầu đưa cho H đủ số tiền chi phí làm thủ tục cấp GCNQSDĐ. Anh L, anh N, anh H đồng ý. Do H không có nhà nên anh L, Nga, Hạt đã đến tìm gặp vợ H để đưa tiền. Chị Huế đã nhận hộ H số tiền của anh L là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); số tiền của anh N là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); số tiền của anh H số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng). Sau đó, H về nhà lấy toàn bộ số tiền trên để trả tiền công thợ và tiêu sài cá nhân.

Mặc dù đã giao đủ tiền như đã thỏa thuận với H nhưng chưa thấy có GCNQSDĐ nên anh L, anh N, anh H nhiều lần gọi điện cho H để thúc giục. Trịnh Văn H đã sử dụng điện thoại di động của mình truy cập vào mạng Internet tìm dịch vụ làm GCNQSDĐ giả. H đã liên hệ với số điện thoại 0901618860 đăng trên mạng Internet và gặp một người đàn ông giới thiệu tên Đinh Công Minh; H đặt vấn đề với người này làm GCNQSDĐ giả cho H. Người giới thiệu tên Minh đồng ý và hướng dẫn H kết bạn trên mạng xã hội Zalo để liên hệ. Minh yêu cầu H như sau: Minh sẽ làm GCNQSDĐ giả cho H và đổi với mỗi Giấy chứng nhận, H phải đặt cọc trước cho Minh số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), số tiền còn lại H sẽ thanh toán nốt cho Minh khi nhận được Giấy chứng nhận, H đồng ý. Minh yêu cầu H phải cung cấp cho Minh thông tin gồm: Trích lục bản đồ địa chính, Sổ hộ khẩu, Căn cước công dân hoặc Chứng minh thư nhân dân của những người liên quan đến thửa đất gửi qua mạng zalo để mình làm GCNQSDĐ giả. H yêu cầu anh L, anh N, anh H chụp các giấy tờ trên cung cấp cho H qua mạng xã hội Zalo để H gửi cho Minh. Sau khi thống nhất với Minh, H đến một cửa hàng mua bán điện thoại di động ở tỉnh Hưng Yên (H không nhớ tên, địa chỉ cụ thể của cửa hàng) nhờ chủ cửa hàng chuyển đến số tài khoản 958888868868 mang tên Đinh Công Minh tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MBBank) số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) để đặt cọc cho Minh. Đến khoảng tháng 01/2022, Minh gửi GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất giả đứng tên bà Lê Thị Xa (mẹ của anh H) thông qua đơn vị vận chuyển, giao hàng về cho H. H nhận và thanh toán nốt số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) cho Minh thông qua nhân viên giao hàng. Sau đó H mang GCNQSDĐ đến gặp và giao cho anh H, nhưng anh H không biết đó là GCNQSDĐ giả.

Khoảng tháng 02/2022, trong quá trình làm xây dựng, H quen biết với một người đàn ông tên Tuấn, trú tại xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Tuấn nói với H có ông anh đang muốn làm bìa đồ nhà đất, H nói với Tuấn có khả năng làm được bìa đồ nên Tuấn cho H số điện thoại của anh Đinh Văn H1, sinh năm 1983 trú tại thôn Nhất, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định (anh H1 là anh vợ của Tuấn) để H liên hệ. Ngày 03/3/2022, H liên hệ với anh H1 rồi thuê Đinh Văn Tuyền, sinh năm 1982 trú tại thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định là lái xe taxi chở H đến nhà anh H1 nói chuyện. Anh H1 đặt vấn đề nhờ H làm GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất cho thửa đất số 248, tờ bản đồ số 10 tại thôn Đoài, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định mang tên mẹ anh là bà Nguyễn Thị Thành. H đồng ý và nói mức chi phí là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), anh H1 phải đặt cọc trước cho H số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Sau khi nhận tiền đặt cọc, H yêu cầu anh H1 chụp ảnh: Trích lục bản đồ địa chính, Sổ hộ khẩu, Căn cước công dân hoặc Chứng minh thư nhân dân gửi cho H thông qua mạng xã hội Zalo. H lại tiếp tục liên hệ với Minh, cung cấp cho Minh các tài liệu liên quan đến việc làm GCNQSDĐ cho anh Đinh Văn H1 qua mạng xã hội Zalo và tìm đến 01 cửa hàng điện thoại nhờ chuyển cho Minh số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) để đặt cọc. Sau khi làm được GCNQSDĐ giả, Minh gửi về cho H thông qua đơn vị vận chuyển giao hàng. Sau khi nhận GCNQSDĐ giả, H mang đến nhà anh H1 để giao thì gặp anh Đinh Công Bình, sinh năm 1980 trú tại phố Thiện Tân, phường Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình (anh Bình là em rể anh H1). Tại đây, H giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Hữu và nhận số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) như đã thỏa thuận với anh H1, anh H1 không biết đây là GCNQSDĐ giả. H lấy số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) đưa cho anh Bình nhờ anh Bình chuyển khoản vào số tài khoản 958888868868 mang tên Đinh Công Minh. Do anh Bình không sử dụng tài khoản ngân hàng nên đã gọi điện cho chị Nguyễn Thị Ngoan, sinh năm 1992 trú tại phố Bích Đào, phường Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình nhờ Ngoan chuyển khoản hộ cho H, chị Ngoan đồng ý, sau đó anh Bình đưa lại tiền mặt 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) cho chị Ngoan.

Sau khi nhận được GCNQSDĐ H giao, thấy anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1983 trú tại thôn H, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định và anh Vũ Tiến S, sinh năm 1986 trú tại Thôn N, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định đang có nhu cầu làm GCNQSDĐ nên Hữu giới thiệu anh N, anh S với H. Anh Nguyễn Văn N gặp H tại nhà Hữu thì đặt vấn đề nhờ H làm GCNQSDĐ cho thửa đất số 74, tờ bản đồ địa chính số 03 tại thôn H, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định đứng tên ông Nguyễn Văn Núi và bà Vũ Thị Toan (là bố mẹ đẻ của anh N). H đồng ý và nói mức chi phí là 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng), yêu cầu anh N đặt cọc cho H số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), anh N đồng ý. Ngày 19/3/2022, anh N đưa cho H số tiền 10.000.000 đồng tiền đặt cọc. Ngày 21/4/2022

và 22/4/2022, anh N tiếp tục chuyển khoản cho H số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) (H mượn số tài khoản của Đinh Văn Lương, sinh năm 1978 trú tại thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định là hàng xóm của H nhận hộ). H đã chuyển cho Minh số tiền đặt cọc 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và gửi các tài liệu, thông tin liên quan đến thửa đất của anh N thông qua mạng xã hội Zalo để Minh làm GCNQSDĐ cho anh N. Sau khi làm xong cho anh N, Minh gửi GCNQSDĐ giả về cho H thông qua đơn vị vận chuyển, giao hàng. H nhận GCNQSDĐ từ nhân viên giao hàng và thanh toán nốt số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) tiền công cho Minh thông qua nhân viên giao hàng, rồi mang GCNQSDĐ này đến giao cho anh Nguyễn Văn N, anh N không biết đây là GCNQSDĐ giả. Sau đó, anh N đã thanh toán nốt cho H chi phí như đã thỏa thuận ban đầu bằng tiền mặt và chuyển khoản ngân hàng (H mượn số tài khoản của chị Trịnh Thị Lan là chị gái H để anh N chuyển khoản số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)). Sau đó chị Lan đã rút tiền mặt về đưa lại cho H.

Anh Vũ Tiên S sau khi được anh H1 giới thiệu thì có gặp H (H giới thiệu với S mình tên là Trịnh Gia Huy) và đặt vấn đề nhờ H làm GCNQSDĐ đối với thửa đất số 28 và 29, tờ bản đồ số 42 đứng tên ông Lê Văn Chiến và bà Nguyễn Thị Xiêm (là bố mẹ vợ anh S). H đồng ý và nói mức chi phí là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), yêu cầu anh S đặt cọc cho H số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), anh S đồng ý. Ngày 26/4/2022, H thuê anh Đinh Văn Tuyến lái xe taxi chở H đến nhà anh S. Tại đây, anh S đưa cho H số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) tiền mặt và chuyển khoản 02 lần cho H số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) (H mượn số tài khoản của anh Tuyến để anh S chuyển tiền cho H). Trước khi nhận tiền đặt cọc của anh S, H đã nhờ chị Trịnh Thị Lan chuyển khoản số tiền 2.200.000 đồng (Hai triệu hai trăm nghìn đồng) cho Đinh Công Minh để đặt cọc làm GCNQSDĐ cho anh S, sau đó H trả tiền mặt cho chị Lan.

Sáng ngày 09/5/2022, anh H1, anh N, anh S hẹn gặp H đến quán nước nhà bà Đinh Thị Lý, sinh năm 1971, trú tại Thôn N, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định để giới thiệu anh Vũ Tuấn Anh, sinh năm 1996 trú tại thôn Tam, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định với H và nhờ H làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho Tuấn Anh. Khoảng 11h cùng ngày, H thuê Tuyến lái xe chở H đến quán nước nhà bà Lý để gặp Hữu, Niên, S, Tuấn Anh. Tại đây, anh S yêu cầu H viết lại bản Hợp đồng đặt cọc vì bản trước đó chưa phù hợp, H đồng ý. Anh S vừa viết xong bản Hợp đồng đặt cọc thì bị lực lượng Công an huyện Ý Yên kiểm tra hành chính. Thu giữ: 01 Hợp đồng đặt cọc ghi ngày 26/4/2022 giữa anh Vũ Tiên S và Trịnh Gia Huy (tức Trịnh Văn H), 01 bản Hợp đồng đặt cọc ghi ngày 25/4/2022 do anh S giao nộp. Thu giữ của Trịnh Văn H: 01 điện thoại di động OPPO A5 - PBBM30 màu tím; 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Trịnh Văn H; 06 mẫu Hợp đồng đặt cọc tiền làm hồ sơ; 03 bản phô tô Hợp đồng giao khoán về việc giao khoán đất công, công ích, 03 bản

phô tô căn cước công dân mang tên Lê Văn Chiến. Tạm giữ của anh Đinh Văn Tuyền 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA-VIOS màu vàng, BKS 89A-16317, 01 căn cước công dân mang tên Đinh Văn Tuyền, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A22 màu đen.

Quá trình điều tra, anh Nguyễn Văn N tự nguyện giao nộp 01 GCNQSDĐ số BY340615, chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn Núi và bà Vũ Thị Toan (Niêm phong ký hiệu A1); anh Đinh Văn H1 tự nguyện giao nộp 01 GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR035915, chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Thành (niêm phong ký hiệu A2); anh Nguyễn Đình H tự nguyện giao nộp 01 GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB035919, chủ sở hữu là bà Lê Thị Xa (niêm phong ký hiệu A3). Trịnh Văn H tự nguyện giao nộp số tiền 310.000.000 đồng (Ba trăm mười triệu đồng).

Ngày 25/5/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện Ý Yên ra Quyết định trưng cầu giám định số 66 nội dung yêu cầu giám định: Mẫu cần giám định A1, A2, A3 là thật hay giả?

Tại Kết luận giám định số 760/KL-KTHS ngày 15/6/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận:

1. Tài liệu cần giám định (A1) là giả:

- Phôi in được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.
- Hình dấu có nội dung “SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với hình dấu có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M1) không phải do cùng một con dấu đóng ra.
- Chữ ký đứng tên Bùi Công Mậu trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu A1) là chữ ký trực tiếp, so với chữ ký đứng tên Bùi Công Mậu trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2) không phải do cùng một người ký ra.

2. Tài liệu cần giám định (Ký hiệu A2, A3) là giả:

- Phôi in, hình dấu được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.
- Chữ ký đứng tên Nguyễn Huy Liệu trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu A2, A3) là chữ ký trực tiếp, so với chữ ký đứng tên Nguyễn Huy Liệu trên tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M4) không phải do cùng một người ký ra.

Đối với người giới thiệu với H tên Đinh Công Minh đã nhận tiền của Trịnh Văn H thông qua số tài khoản 958888868868 tại Ngân hàng TMCP Quân đội - MBBank và làm giả GCNQSDĐ cho H; quá trình điều tra xác định chủ số tài khoản trên là của Đinh Công Minh, sinh năm 1996, trú tại thôn Nhuận Trạch, xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Cơ quan CSĐT Công an huyện Ý Yên đã nhiều lần triệu tập làm việc với người này, nhưng đều không có mặt tại

nơi cư trú. Do vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện Ý Yên tách nội dung nguồn tin tố giác về tội phạm và chuyển đến Công an huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội tiếp nhận, xác minh, điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Đối với chị Nguyễn Thị Huế nhận tiền của anh Đoàn Xuân L, Nguyễn Đình H, Đoàn Xuân N giúp cho Trịnh Văn H nhưng chị Huế không biết số tiền chị nhận là tiền gì; H cũng không nói cho chị Huế biết nên không đề cập xử lý.

Đối với anh Đinh Văn Tuyến là người được H thuê chở trong quá trình H đi gặp những người mà H nhận làm thủ tục cấp GCNQSDĐ và cho H mượn số tài khoản để nhận tiền nhưng Tuyến không biết cụ thể công việc của H, cũng không biết khoản tiền H nhờ chuyển đến là tiền gì nên không đề cập xử lý.

Đối với anh Đinh Công Bình, Đinh Văn Lương, chị Trịnh Thị Lan là những người được Trịnh Văn H mượn số tài khoản để chuyển khoản đi và nhận tiền giúp H, nhưng anh Bình, anh Lương, chị Lan không biết số tiền mình chuyển và nhận là tiền gì, không biết mục đích chuyển và nhận tiền của H là gì nên không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, anh Đoàn Xuân L, Nguyễn Đình H, Đoàn Xuân N, Đinh Văn H1, Nguyễn Văn N, Vũ Tiến S đề nghị Trịnh Văn H phải trả lại toàn bộ số tiền mà anh L, anh H, anh N, anh H1, anh N, anh S đã đưa cho H và không đề nghị các khoản bồi thường nào khác. Quá trình điều tra, Trịnh Văn H đã tự nguyện giao nộp số tiền 310.000.000 đồng (Ba trăm mười triệu đồng) để trả lại cho các anh Đoàn Xuân L, Nguyễn Đình H, Đoàn Xuân N, Đinh Văn H1, Nguyễn Văn N, Vũ Tiến S.

Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA-VIOS màu vàng, BKS 89A-16317, 01 căn cước công dân mang tên Đinh Văn Tuyến, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A22 màu đen Cơ quan CSĐT Công an huyện Ý Yên thu giữ của anh Đinh Văn Tuyến, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Ý Yên đã trả lại cho anh Tuyến.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, Trịnh Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Với nội dung vụ án nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2023/HS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định đã quyết định:

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm c khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS.

- Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn H phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Xử phạt Trịnh Văn H 07 (Bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; xử phạt Trịnh Văn H 03 (Ba) năm tù về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội, buộc bị cáo Trịnh Văn H phải chấp hành hình phạt 10 (Mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/9/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự, Điều 48 của BLHS:

Bị cáo Trịnh Văn H phải có trách nhiệm trả lại cho anh Đoàn Xuân L số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng); anh Nguyễn Đình H số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng); anh Đoàn Xuân N số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng); anh Đinh Văn H1 số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng); anh Nguyễn Văn N số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng); anh Vũ Tiến S số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Trả lại cho bị cáo Trịnh Văn H số tiền còn lại 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Bị cáo Trịnh Văn H đã tự nguyện giao nộp số tiền trên tại cơ quan điều tra. *(Theo uỷ nhiệm chi lập ngày 19/6/2023 giữa cơ quan Công an huyện Ý Yên và Chi cục thi hành án dân sự huyện Ý Yên)*

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo, các bị hại.

Ngày 26/6/2023, bị cáo Trịnh Văn H kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về với gia đình và xã hội để làm lại cuộc đời.

Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Văn H giữ nguyên nội dung kháng cáo, thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cấp sơ thẩm đã xét xử là đúng người, đúng tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử ở giai đoạn sơ thẩm đã được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan.

Nhận thấy, trong giai đoạn điều tra bị cáo Trịnh Văn H đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền là 310.000.000 đồng để trả lại cho những người bị hại. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, chị Nguyễn Thị Huế là vợ của bị cáo làm đơn trình bày điều kiện, H cảnh gia đình khó khăn, bản thân chị Huế không có công ăn, việc làm ổn định, hiện tại phải trực tiếp nuôi hai con nhỏ. Bản thân bị cáo H chồng chị là lao động chính trong gia đình, đơn được xác nhận của chính

quyền địa phương nơi cư trú. Vì vậy, cần coi đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét thấy, bị cáo H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Vì vậy đề nghị HĐXX áp dụng Điều 54 BLHS giảm nhẹ cho bị cáo H từ 24 đến 36 tháng tù.

Bị cáo Trịnh Văn H không có ý kiến tranh L với Kiểm sát viên và nói lời sau cùng: Giữ nguyên nội dung kháng cáo và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Trịnh Văn H có đơn kháng cáo trong hạn luật định nên kháng cáo của bị cáo là hợp pháp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Trịnh Văn H: Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2020 đến tháng 5 năm 2022, Trịnh Văn H dùng thủ đoạn gian dối, tự nhận mình có quen biết với người khả năng làm thủ tục được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) chiếm đoạt của anh Đoàn Xuân L số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng); anh Nguyễn Đình H số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng); anh Đoàn Xuân N số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng); anh Đình Văn H1 số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng); anh Nguyễn Văn N số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng); anh Vũ Tiến S số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Tổng số tiền Trịnh Văn H chiếm đoạt là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Cơ quan Nhà nước, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do động cơ tư lợi nên vẫn cố ý vi phạm. Vì vậy, cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Trịnh Văn H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS và tội “*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo điểm c khoản 3 Điều 341 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.1] Tuy nhiên, đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS: HĐXX thấy rằng, trong giai đoạn điều tra bị cáo Trịnh Văn H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền là 310.000.000 đồng để trả lại cho những người bị hại; tất cả những người

bị hại đều đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; nhận thấy mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là nghiêm khắc. Tại giai đoạn phúc thẩm, vợ bị cáo là Nguyễn Thị Huế đã giao nộp cho Tòa án đơn trình bày có xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện H cảnh gia đình bị cáo khó khăn; trước khi phạm tội, bị cáo là lao động chính trong gia đình, các con đều còn nhỏ. Vì vậy, cần coi đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét thấy, bị cáo Trịnh Văn H là người có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và áp dụng Điều 54 BLHS, cho bị cáo được hưởng một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

[2.2] Đối với tội “*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”: HĐXX thấy rằng mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Trịnh Văn H là phù hợp với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên cấp phúc thẩm không chấp nhận phần kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt về tội danh này.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Trịnh Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 BLTTHS: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trịnh Văn H và sửa một phần bản án sơ thẩm.

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự,

- Xử phạt Trịnh Văn H 04 (Bốn) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự,

- Xử phạt Trịnh Văn H 03 (Ba) năm tù về tội “*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

3. Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Trịnh Văn H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 07 (Bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/9/2022.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nam Định;
- CA-VKS-TA huyện Ý Yên;
- Chi cục THADS huyện Ý Yên;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hà Nam